

Bản án số: 47/2026/HS-ST
Ngày 28-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hoàng Ái Thụy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2026/TLST-HS ngày 24/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 15/5/2026 đối với bị cáo:

Phạm Hữu Lê Quốc P; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đen; sinh ngày 02/3/1987 tại thành phố H; số căn cước công dân 046087018929, cấp ngày 11/8/2022; nơi cư trú: Thôn V, xã H, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 05/12; Con ông: Phạm D, sinh năm 1963 và bà Lê Thị S, sinh năm 1965. Có vợ Trần Thị H, sinh năm 1986; có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2026 cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D1; địa chỉ: Số C đường N khu G, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thanh T, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn M, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã C - L, thành phố H. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu Lê Quốc P là tài xế lái xe thuê cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D1 Sao Vàng chở than đá từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (nước Lào) về xã C - L, thành phố H. Ngày 10/01/2026, P điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc biển số 43RM - 011.95 qua cửa khẩu L3, tỉnh Quảng Trị đến tỉnh Salavan, nước Lào để chở than đá. Tại đây, P được một người đàn ông tên P1 (quốc tịch Lào; không biết rõ họ tên, lai lịch, địa chỉ cụ thể) cho 05 (năm) viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến để sử dụng. Ngày 11/01/2026, P lấy 01 (một) viên ma túy để sử dụng, 04 (bốn) viên ma túy còn lại, P cất giấu trên ca bin xe ô tô đầu kéo biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc biển số 43RM-011.95 để tiếp tục sử dụng.

Tối ngày 14/01/2026, P điều khiển ô tô đầu kéo biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95 chạy trên đường Quốc lộ 1 theo hướng Huế - Đà Nẵng. Đến khoảng 23 giờ 00 phút, khi xe ô tô do P điều khiển đến Km 861 Quốc lộ A (thuộc địa phận thôn B, xã L, thành phố H) thì bị Tổ công tác của Trạm Cảnh sát giao thông P2 (Phòng C Công an thành phố C) yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra (test) nhanh xác định P dương tính với ma túy loại MET, AMP.

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 15/01/2026, Tổ công tác của Trạm Cảnh sát giao thông P2 phối hợp với Công an xã L, thành phố H tiến hành kiểm tra, phát hiện tại vị trí cốp xe ở ghế lái xe ô tô biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95 có 01 túi ni lông màu trắng, bên trong có chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu đỏ, trên bề mặt có chữ "WY" được bọc trong gói thuốc là JET. P khai nhận đây là ma túy tổng hợp dạng hồng phiến do P cất giấu trước đó nhằm mục đích để sử dụng.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) túi ni lông màu trắng, bên trong chứa 04 (bốn) viên nén hình trụ tròn màu đỏ, trên bề mặt có chữ "WY" bọc trong gói thuốc lá JET, được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký ghi họ tên Điều tra viên Trần Xuân L1, 02 (hai) chữ ký ghi họ tên Phạm Hữu Lê Quốc P và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an xã L, thành phố H.

+ 01 (một) chiếc xe ô tô biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95. Xe ô tô này là của Công ty C1 chi nhánh Đ (có địa chỉ tại tầng 5, số B đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D1 thuê.

Tại bản Kết luận giám định số 56/KL-KTHS ngày 18/01/2026 của Phòng K Công an thành phố C kết luận: 04 (bốn) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định có tổng khối lượng là 0,4288g (không phải bốn hai tám tám gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

H1 lại đối tượng giám định: 0,2288g (không phải hai hai tám tám gam) mẫu bột được nghiền từ 04 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ và các vật

liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả niêm phong theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 chiếc xe ô tô biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95 cho chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSHUE-KV ngày 23/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế truy tố bị cáo Phạm Hữu Lê Quốc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát khu vực 4 – Huế, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 15/01/2026, Phạm Hữu Lê Quốc P đang điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95 lưu thông trên đường tại Km 861 Quốc lộ A, thuộc thôn B, xã L, thành phố H thì bị Tổ công tác của Trạm Cảnh sát giao thông P2 (Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố C) phối hợp với Công an xã L, thành phố H kiểm tra phát hiện, bắt quả tang Phạm Hữu Lê Quốc P đang tàng trữ trái phép 0,4288g (không phải bốn hai tám tám gam) ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Bị cáo Phạm Hữu Lê Quốc P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Do vậy, cáo trạng số 09/CT-VKSHUE-KV ngày 23/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo biết rõ hậu quả của việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tệ nạn xã hội. Do vậy, cần xử lý nghiêm để phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo ngày 11/01/2026. Quá trình điều tra xác định bị cáo không đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị các chất ma túy bằng thuốc thay thế; không đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy nên không phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 256a của Bộ luật hình sự.

Đối với việc bị cáo P điều khiển xe ô tô biển số 43H-174.05, kéo sơ mi rơ moóc 43RM-011.95 tham gia giao thông khi trong cơ thể có chất ma túy đã bị Phòng C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người đàn ông tên P1 (quốc tịch Lào) đã cung cấp ma túy cho bị cáo. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch, chưa có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 0,2288 ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu Lê Quốc P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Lê Quốc P 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 15/01/2026).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

Tịch thu tiêu huỷ 0,2288 ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định được bọc trong 01 (một) gói niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần N, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Trần Xuân L1 và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Phòng K công an thành phố C và dòng chữ "Hoàn mẫu vật vụ Phạm Hữu Lê Quốc P bắt ngày 15/01/2026.

(Vật chứng nêu trên đang do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 và Cơ quan điều tra Công an thành phố C).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Phạm Hữu Lê Quốc P phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PC 06 Công an thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT thành phố Huế;
- Phân trại tạm giam Hương Thủy;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Công an xã Lộc An;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Anh Nga

